

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2021/HSST**
Ngày 15/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tăng Thuận**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đầu**

2 Ông **Trần Văn Thuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Vinh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/HSST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

01/ Nguyễn Nam T (tên gọi khác T địa). Sinh năm 1992; Giới tính: Nam.

Tại: Phú Quốc - Kiên Giang.

Nơi ĐKTT: Ấp 7, xã LN, huyện LM, tỉnh HG. Chỗ ở: Không cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không; Cha: Nguyễn Nam T1, sinh năm 1970, còn sống. Mẹ: Tăng Thị Kim T2, sinh năm 1973, còn sống; Bị cáo không có anh, chị, em; Vợ: Lê Ngọc H, sinh năm 1993; Con 01 người, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 22/12/2020.

- Về nhân thân:

- Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Cố ý gây thương tích, theo khoản 2 Điều 104

Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, theo bản án số 06 ngày 02/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc, ngày 07/01/2011, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

- Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc xử phạt 04 năm tù, về tội: Cố ý gây thương tích, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, theo bản án số 26 ngày 21/03/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc. Ngày 14/03/2016, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Người bị hại:

01/ Chị **Trần Thị Phương T3**, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Phát T4, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/12/2020, Nguyễn Nam T cùng với vợ con đi bộ đến tiệm internet Thu Toàn thuộc khu phố 8, thị trấn (nay là phường) Dương Đông, huyện (nay là thành phố) Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để chơi game. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, do trời mưa T đi sang nhà anh Lê Văn Lý là cậu vợ của T ở gần đó mượn xe mô tô để chở vợ con về, nhưng anh Lý không cho mượn, thì T bỏ đi về. Khi đi ngang qua nhà của bà Trần Thị Phương T3 cũng thuộc khu phố 8, thị trấn (nay là phường) Dương Đông, T nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 68P1 – 397.83 của bà T3 đang dựng trước nhà trên xe có sẵn chìa khóa, T đi đến lấy trộm chiếc xe mô tô của bà T3 dẫn ra ngoài và điều khiển xe chạy đến tiệm internet Thu Toàn chở vợ con về phòng trọ của T thuê ở tại khu phố 10, thị trấn nay là phường) Dương Đông. Sau đó, T điều khiển xe đến gặp Phan Chí Cường và nói với Cường biết chỗ nào cầm xe không chỉ cho T đi cầm xe của gia đình do không còn tiền nên muốn đưa xe đi cầm. Nghe vậy, Cường dẫn T đi đến gặp người tên Phi (chưa rõ nhân thân) ở gần nhà Cường cầm xe được 5.000.000 đồng, T cho Cường 500.000 đồng (Cường không biết xe do T trộm cắp). Số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 13/12/2020, do không có tiền chuộc lại xe nên T đến gặp Nguyễn Phát T4 nhờ T4 đi chuộc giùm T xe mô tô, khi nào có tiền sẽ trả lại cho T4 (T4 không biết xe mô tô do T trộm cắp mà có). Sau đó T4 đến gặp Phi trả 5.200.000 đồng và đưa xe về sử dụng, khi nào T có tiền chuộc lại xe từ T4. Đến ngày 22/12/2020, T bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, ngày 30/12/2020, Nguyễn Nam

T bị Cơ quan điều tra – Công an huyện (nay là thành phố) Phú Quốc khởi tố, tạm giam để điều tra.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển số 68P1 – 397.83, số khung: 5810GY188317, số máy: JF66E0188328, (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 89, ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện (nay thành phố) Phú Quốc kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển số 68P1 – 397.83, số khung: 5810GY188317, số máy: JF66E0188328, tại thời điểm ngày 02/12/2020, trị giá 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Sau khi vụ án xảy ra, bị hại chị Trần Thị Phương T3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát T4 không yêu cầu T trả lại số tiền đã đi chuộc lại xe cho T, đề nghị Tòa miễn xét.

Tại bản cáo trạng số: 50/CT-VKSPQ ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã truy tố bị cáo Nguyễn Nam T, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa đã kết luận: Vào khoảng hơn 17 giờ 40 phút ngày 02/12/2020, tại khu phố 8, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, Nguyễn Nam T lén lút lấy trộm xe mô tô của chị Trần Thị Phương T3 trị giá 18.000.000 đồng. Ngày 30/12/2020, Cơ quan điều tra – Công an Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc) khởi tố, tạm giam để điều tra.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Nam T từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ, biển số 68P1 – 397.83, số khung: 5810GY188317, số máy: JF66E0188328, (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Phương T3 là bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát T4 không yêu cầu T trả lại số tiền đã đi chuộc lại xe cho T nên không xem xét.

Đối với người đàn ông tên Phi (chưa rõ nhân thân) cầm cố xe mô tô, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Nam T khai nhận đúng với nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Với các tình tiết đã được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Nam T gây ra đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Quốc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Nam T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức được rằng quyền sở hữu về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Với bản chất lười lao động bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại nhìn thấy chiếc xe mô tô của chị

T3 dựng trước nhà trên xe có sẵn chìa khóa, bị cáo lấy trộm chiếc xe mô tô của chị T3 dẫn ra ngoài và điều khiển xe đến tiệm internet Thu Toàn chở vợ con về phòng trọ của bị cáo. Hành vi của bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân bị cáo đã có 02 lần tiền án: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội: Cố ý gây thương tích, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, theo bản án số 06 ngày 02/02/2010 của Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc, ngày 07/01/2011, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích. Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc xử phạt 04 năm tù, về tội: Cố ý gây thương tích, theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, theo bản án số 26 ngày 21/03/2013 của Tòa án nhân dân huyện (nay thành phố) Phú Quốc. Ngày 14/03/2016, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của bị hại nên bị cáo áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo mức hình phạt vừa đủ nghiêm.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Trần Thị Phương T3 đã lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, Tòa không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát T4 không yêu cầu T trả lại số tiền đã đi chuộc lại xe cho T nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Nam T** (tên gọi khác: T Địa) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt bị cáo: Nguyễn Nam T* (tên gọi khác: T Địa) **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Phương T3 đã lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, Tòa không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát T4 không yêu cầu T trả lại số tiền đã đi chuộc lại xe cho T nên Tòa không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, điểm d, Điều 23 Nghị quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bị cáo Nguyễn Thị Kiều Nga phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, tổng cộng 500.000 đồng.

Án xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang,
- VKSND TP. Phú Quốc,
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc,
- Nhà tạm giữ CA TP. Phú Quốc,
- Bị cáo, bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tăng Thuận